TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/DS-ST
Ngày: 22-01-2021
V/v Đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thanh Diễn.

2. Ông Lê Thành Đông.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Thành Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2020/TLST- DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 về "Đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Hoàng T, sinh năm 1973.

Bà Huỳnh Thị Kim H, sinh năm 1974.

Anh Võ Hoàng L, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn:

Anh Đỗ Hiệp P, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Đinh M – Luật sư Chi nhánh Văn phòng Luật sư Đinh M thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: XX, khu phố Y, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Võ Khắc M1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, bà M, bà H có mặt; anh P, ông M1 vắng mặt (đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 8 năm 2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 04 tháng 01 năm 2021, bản tự khai, biên bản hoà giải, đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nguyên đơn là ông Võ Hoàng T, bà Huỳnh Thị Kim H, anh Võ Hoàng L, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Đỗ Hiệp P trình bày:

Hộ ông Võ Hoàng T, bà Huỳnh Thị Kim H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1005m^2, thuộc thửa 290, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp A, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre. Năm 2011, ông T có cho người em ruột là ông Võ Khắc M1 cất căn nhà khoảng 90m^2 ở nhờ trên một phần thửa đất nêu trên. Đến năm 2012, ông M cất nhà ở nơi khác, bà H có xin ở nhờ trên căn nhà của ông M còn trên đất. Sau đó, bà H tự ý xây dựng nhà kiên cố trên đất để ở. Do nghĩ là chị em ruột trong gia đình nên ông T, bà H không ngăn cản việc bà H xây dựng nhà. Trước đây, căn nhà bà H cất trên đất chiều ngang khoảng 08m, chiều dài khoảng 10m, diện tích khoảng 80m^2, theo đo đạc thực tế phần đất có nhà diện tích 73,6m^2. Tuy nhiên, bà H có sử dụng một phần đất trước nhà và sau nhà nên diện tích đất bà H sử dụng theo đo đạc thực tế là 121,3m^2 thuộc một phần thửa đất số 290, tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại ấp A, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre theo hồ sơ đo đạc được đặt thửa tạm là 1/290a + 1/290b + 1/290c. Nguyên đơn yêu cầu bà H trả lại cho nguyên đơn diện tích đất 121,3m^2 nêu trên, nguyên đơn đồng ý trả cho bà H giá trị tài sản theo biên bản định giá.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và phiên tòa, bị đơn là bà Võ Thị H trình bày:

Bà và ông T, ông M1 là chị em ruột. Khi cha mẹ bà chết có để lại đất, sau đó anh, chị, em thỏa thuận chia đất cho nhau, phần đất đang tranh chấp được chia cho ông Võ Khắc M1. Do ông M1 hứa bán đất cho bà nên bà mới cất nhà ở trên đất từ năm 2012 đến nay, diện tích đất bà sử dụng theo đo đạc thực tế là 121,3m^2 thuộc một phần thửa đất số 290, tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại ấp A, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre được đặt thửa tạm là 1/290a + 1/290b + 1/290c. Một mình bà ở tại căn nhà trong phần đất nêu trên và một mình bà sử dụng đất đang tranh chấp. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả đất, bà cũng đồng ý đi nơi khác ở để trả đất cho nguyên đơn. Bà chỉ yêu cầu nguyên đơn bồi thường cho bà số tiền là 130.000.000 đồng, bà sẽ đi nơi khác ở, giao toàn bộ các tài sản của bà trên đất cho nguyên đơn được quyền sở hữu. Ngoài ra, bà không có yêu cầu nào khác trong vụ án này. Căn cứ bà yêu cầu số tiền nêu trên là để cất được một căn nhà khác ở thì số tiền phải là bao nhiêu đó. Bà có người cháu đã cho bà một phần đất nền nhà, nếu nguyên đơn không trả tiền cho bà thì cứ cất căn nhà khác cho bà ở trên đất của cháu bà đã cho để bà có

nhà ở. Cây dừa trên phần đất tranh chấp là của nguyên đơn, bà không tranh chấp.

Tại phiên tòa, bà cho rằng bà không thể di dời 03 hồ tròn chứa nước do 03 hồ này đặt tại phần đất nhỏ phía sau căn nhà và giáp mương, vì vậy, bà để cho nguyên đơn sử dụng, nguyên đơn phải trả giá trị 03 hồ tròn chứa nước cho bà theo biên bản định giá.

Bà không có yêu cầu phản tố, không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng, không yêu cầu thu thập chứng cứ, xác minh gì thêm.

Bà không có ý kiến gì về kết quả đo đạc, định giá. Từ khi Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá đến nay, hiện trạng đất tranh chấp không có gì thay đổi.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Khắc M1 trình bày:

Vào năm 2011, ông có xin cất 01 căn nhà gỗ diện tích khoảng 90m^2 ở nhờ trên phần đất của hộ ông T thuộc thửa đất số 290 tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp A, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre. Năm 2012, ông về CB sinh sống nên để căn nhà lại cho bà H ở. Sau đó, bà H tự ý xây dựng nhà kiên cố. Việc bà H xây nhà kiên cố thì ông không biết. Giữa ông và bà H cũng không có bất cứ sự thỏa thuận nào về việc mua bán đất. Phần đất đang tranh chấp của hộ gia đình nguyên đơn. Theo ông thì bà H phải trả đất cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là bà Đinh M trình bày:

Phần đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình nguyên đơn. Hộ nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002 và được cấp lại năm 2011. Năm 2012, bà H mới cất nhà ở. Đến năm 2015, ông T nhiều lần yêu cầu bà H di dời nhà trả đất nhưng bà H không đồng ý nên ông T khởi kiện yêu cầu bà H trả cho hộ ông T phần đất diện tích 121.3m^2, thuộc thửa 1/290a + 1/290b + 1/290c, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp A, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre. Bên nguyên đơn đồng ý trả cho bà H giá trị nhà, 03 hồ chứa nước và sân đan theo biên bản định giá, tổng cộng là 86.853.449 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015 tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hoàng T, bà Huỳnh Thị Kim H, anh Võ Hoàng L về việc yêu cầu bà Võ Thị H trả phần đất diện tích 121.3m^2 thuộc

thửa 1/290a + 1/290b + 1/290c, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp A, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Buộc bà Võ Thị H trả cho hộ ông T phần đất diện tích 121.3m^2, thuộc thửa 1/290a + 1/290b + 1/290c, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp A, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Hộ ông T được quản lý, sở hữu tài sản trên đất gồm: nhà 01 tầng kết cấu: nền xi măng, vách gạch, cột bê tông, cốt thép, máy tôn tráng kẽm, không trần, trong đó có 01 phòng xây dựng hoàn chỉnh nền gạch ceramic, có trần; 03 hồ tròn chứa nước; sân đan không cốt thép và có trách nhiệm thanh toán cho bà H giá trị tài sản trên đất số tiền 86.853.449 đồng, tiền công sức đầu tư trên đất là 4.245.500 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Phần đất đang tranh chấp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho nguyên đơn, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại đất cho nguyên đơn, do đó, xác định quan hệ tranh chấp là "Đòi lại tài sản". Đất tọa lạc tại xã C, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

Các đương sự đều thống nhất không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng, không yêu cầu triệu tập người làm chứng, không yêu cầu thu thập chứng cứ, xác minh gì thêm, đồng ý với kết quả đo đạc, định giá ngày 15/12/2020 và đều trình bày từ khi Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc, định giá đến nay hiện trạng đất tranh chấp không có gì thay đổi.

Anh P, ông M1 có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P, ông M1.

[2] Về nội dung:

Ông Võ Hoàng T, bà Huỳnh Thị Kim H, anh Võ Hoàng L yêu cầu bà Võ Thị H trả lại phần đất đo đạc thực tế diện tích 121.3m^2, thuộc thửa 1/290a + 1/290b + 1/290c, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp A, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự thống nhất cây dừa trên đất của nguyên đơn trồng, căn nhà và các tài sản còn lại trên đất là của bà H.

Hộ ông T đồng ý bồi thường cho bà H giá trị nhà và tài sản của bà H theo biên bản định giá (trừ cây dừa là của ông T trồng) với số tiền là 86.853.449 đồng.

Bà H đồng ý trả đất theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng yêu cầu nguyên đơn thanh toán giá trị nhà và tài sản khác trên đất cho bà số tiền 130.000.000 đồng. Do đó, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Xét lời trình bày các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy:

Phần đất bà H đang sử dụng đo đạc thực tế diện tích 121.3m^2, thuộc thửa 1/290a + 1/290b + 1/290c, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp A, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre được Ủy ban nhân dân huyện Giồng Trôm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Võ Hoàng T ngày 18/12/2002 và được cấp lại ngày 25/7/2011. Như vậy, phần đất này thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông T. Thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào năm 2002, trong hộ ông T có ông T, bà H, anh L nên ông T, bà H, anh L cùng khởi kiện yêu cầu bà H trả đất.

Bà H cũng đồng ý trả đất cho nguyên đơn nhưng bà H và nguyên đơn không thống nhất được số tiền giá trị tài sản mà nguyên đơn trả cho bà H nên không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và hiện tại bà H vẫn đang sống trên phần đất tranh chấp, trong căn nhà gắn liền phần đất diện tích 73.6m^2 thửa 1/290b (do diện tích đất 73.6m^2 nguyên đơn yêu cầu đo đạc là phần trọn căn nhà nên nét định vị nhà và nét ranh trùng nhau), ngoài ra, bà H còn sử dụng một phần đất trước nhà làm sân diện tích 37.8m^2 thửa 1/290a và một phần đất sau nhà để hồ tròn chứa nước diện tích 9.9m^2 thửa 1/290c, tổng cộng bà H sử dụng 121.3m^2 đất nên việc ông T, bà H, anh L khởi kiện yêu cầu bà H trả lại 121.3m^2 đất là có cơ sở chấp nhận.

Theo biên bản định giá ngày 15/12/2020 (BL 80), trừ cây dừa của nguyên đơn, còn lại tài sản của bà H trên đất gồm: nhà 01 tầng kết cấu: nền xi măng, vách gạch, cột bê tông cốt thép, mái tôn tráng kẽm, không trần diện tích 62,695m^2, trong đó có 01 phòng xây dựng hoàn chỉnh nền gạch Ceramic, có trần, tổng giá trị nhà là 83.348.798 đồng; 03 cái hồ tròn di chuyển được đường kính mỗi cái 1,4m, cao 1,2m có giá 2.126.976 đồng; phần sân đan không cốt thép diện tích 17,55m^2 có giá là 1.377.675 đồng. Tổng giá trị tài sản trên đất là 86.853.449 đồng nhưng bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả 130.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận. Đối với 03 hồ tròn, theo biên bản định giá ghi là hồ tròn có thể di chuyển được nhưng bà H cho rằng không thể di chuyển được, theo xem xét, thẩm định tại chỗ và đương sự thừa nhận tại phiên tòa là trên phần đất 9.9m^2 thửa 1/290c để 03 hồ tròn giáp liền với mé mương nên nếu buộc bà H di dời 03 hồ tròn chứa nước thì khả năng thực hiện việc di dời khó và không đảm bảo cho giá trị sử dụng còn lại của hồ. Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng nguyên đơn cũng đồng ý nhận sử dụng 03 hồ tròn chưa nước. Do vậy, cần buộc nguyên đơn thanh toán cho bà H số tiền giá trị nhà, 03 hồ tròn chứa nước và sân đan, tổng cộng là 86.853.449 đồng.

Ngoài ra, trên phần đất diện tích 121.3m^2 bà H cho rằng có đổ cát, nâng cấp nền nhà khi tiến hành xây dựng. Mặc dù bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh khối lượng và chi phí bơm cát, bà H cũng không nhớ số tiền bơm cát là bao nhiêu, nhưng theo lẽ thông thường, việc xây dựng nhà kiên cố luôn có bước

bơm cát hoặc đắp đất nâng nền, nên cần xem xét giải quyết hộ ông T phải thanh toán tiền công sức đầu tư trên đất cho bà H bằng 10% giá trị phần đất tranh chấp. Theo biên bản định giá, phần đất có giá thị trường là 350.000 đồng/m^2 nên công sức đầu tư là: (350.000 đồng/m^2 x 121.3m^2 = 42.455.000 đồng) x 10% = 4.245.500 đồng. Như vậy, buộc hộ ông T phải thanh toán cho bà H số tiền công sức đầu tư trên đất là 4.245.500 đồng.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Ông T, bà H, anh L phải liên đới chịu số tiền án phí là 4.554.947 đồng [(86.853.449 đồng + 4.245.500 đồng) x 5% = 4.554.947 đồng].

Bà H phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng.

[4] *Về chi phí tố tụng khác:*

Bà Võ Thị H phải chịu chi phí đo đạc, định giá, thu thập quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng cộng là 3.941.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng 3.941.000 đồng nên bà H có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền 3.941.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hoàng T, bà Huỳnh Thị Kim H, anh Võ Hoàng L về việc yêu cầu bà Võ Thị H trả phần đất diện tích 121.3m^2, thuộc thửa 1/290a + 1/290b + 1/290c, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp A, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Buộc bà Võ Thị H trả cho ông Võ Hoàng T, bà Huỳnh Thị Kim H, anh Võ Hoàng L phần đất diện tích 121.3m^2, thuộc thửa 1/290a + 1/290b + 1/290c, tờ bản đồ số 16, mục đích sử dụng đất: BHK, tọa lạc tại ấp A, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Ông Võ Hoàng T, bà Huỳnh Thị Kim H, anh Võ Hoàng L được quyền sở hữu các tài sản trên đất gồm: nhà 01 tầng kết cấu nền xi măng, vách gạch, cột bê tông cốt thép, mái tôn tráng kẽm, không trần diện tích 62,695m^2, trong đó có 01 phòng xây dựng hoàn chỉnh nền gạch Ceramic, có trần; 03 cái hồ tròn chứa nước đường kính mỗi cái 1,4m, cao 1,2m; sân đan không cốt thép diện tích 17,55m^2 và có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Võ Thị H giá trị các tài sản nêu trên số tiền

là 86.853.449đ (tám mươi sáu triệu tám trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm bốn mươi chín đồng), tiền công sức đầu tư trên đất là 4.245.500đ (bốn triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng), tổng cộng ông Võ Hoàng T, bà Huỳnh Thị Kim H, anh Võ Hoàng L phải liên đới trả cho bà Võ Thị H số tiền là 91.098.949đ (chín mươi mốt triệu không trăm chín mươi tám nghìn chín trăm bốn mươi chín đồng).

Bà Võ Thị H được quyền lưu cư trên phần đất diện tích 121.3m^2, thuộc thửa 1/290a + 1/290b + 1/290c, tờ bản đồ số 16, mục đích sử dụng đất: BHK, tọa lạc tại ấp A, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre thời gian là 06 (sáu) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

(Phần đất nêu trên có tứ cận và các thông tin khác tại hồ sơ đo đạc theo yêu cầu của Tòa án kèm theo bản án).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Hoàng T, bà Huỳnh Thị Kim H, anh Võ Hoàng L phải liên đới chịu án phí số tiền là 4.554.947đ (bốn triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn chín trăm bốn mươi bảy đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002550 ngày 01 tháng 10 năm 2020 và 362.000đ (ba trăm sáu mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006771 ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Ông Võ Hoàng T, bà Huỳnh Thị Kim H, anh Võ Hoàng L phải liên đới nộp tiếp số tiền 3.892.947đ (ba triệu tám trăm chín mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi bảy đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Bà Võ Thị H phải chịu án phí số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Về chi phí tố tụng khác:

Bà Võ Thị H phải chịu chi phí đo đạc, định giá, thu thập quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng cộng là 3.941.000đ (ba triệu chín trăm bốn mươi mốt nghìn đồng). Do ông Võ Hoàng T đã nộp tạm ứng nên bà H có nghĩa vụ trả lại cho ông Võ Hoàng T số tiền 3.941.000đ (ba triệu chín trăm bốn mươi mốt nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thị Thu Trang

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.